

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 04-11-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Từ Văn Nhứt**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Lại Thiện Phong;**

2. **Bà Nguyễn Thị Hiếu.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà Lê Huyền Mao - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2020/TLST–HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2020/QĐXXST–HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà **Trần Thị N**, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* ông **Lê Văn P**, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Trần Thị N và ông Lê Văn P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2020, cũng như tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2020 nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Lê Văn P sống chung từ năm 1992, có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu, vợ chồng ông, bà chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai

vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay bà N nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn P.

Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị N xác định trong quá trình chung sống, giữa bà và ông Lê Văn P có hai đứa con chung, cháu tên Lê Văn L, sinh năm 1994 và Lê Thúy C, sinh năm 1997. Hiện tại hai cháu đã trưởng thành, sống tự lập được nên bà không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai và Biên bản lấy lời khai cùng ngày ngày 19 tháng 10 năm 2020 bị đơn ông Lê Văn P trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị N, anh có ý kiến như sau: Về hôn nhân đồng ý ly hôn với bà Trần Thị N; Về con chung: hiện tại các con là Lê Văn L và Lê Thúy C đã trưởng thành, sống tự lập được nên bà không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; Về tài sản chung: ông Lê Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Trần Thị N và ông Lê Văn P là vợ chồng;

Về quan hệ con chung: anh Lê Văn L, sinh năm 1994 và chị Lê Thúy C, sinh năm 1997 đã trưởng thành bà N và ông P không yêu cầu xem xét giải quyết nên không xem xét, giải quyết;

Về quan hệ tài sản chung: Bà Trần Thị N và ông Lê Văn P không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị N yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Văn P nên đây

là vụ án tranh chấp ly hôn. Đồng thời, bị đơn ông Lê Văn P cư trú tại ấp L, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Trần Thị N và ông Lê Văn P vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông, bà có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Thị N và ông Lê Văn P.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị N và ông Lê Văn P xác định ông, bà sống chung từ năm 1992 đến nay không có đăng ký kết hôn. Nay bà Trần Thị N yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn P, ông P đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Căn cứ vào quy định nêu trên, Hội đồng xét xử không công nhận bà Trần Thị N và ông Lê Văn P là vợ chồng.

[4] Về quan hệ con chung: bà Trần Thị N và ông Lê Văn P xác định, quá trình chung sống ông, bà có hai người con chung: anh Lê Văn L, sinh năm 1994 và chị Lê Thúy C, sinh năm 1997 nay anh Lãm và chị Chi đã trưởng thành bà Trần Thị N và ông Lê Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Trần Thị N và ông Lê Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị N chịu 300.000đ.

[7] Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Trần Thị N và ông Lê Văn P là vợ chồng;

[2] Về con chung: bà Trần Thị N và ông Lê Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: bà Trần Thị N và ông Lê Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết;

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải nộp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Do bà Trần Thị N đã dự nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003249, ngày 05 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Từ Văn Nhứt